

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2019/ HNGĐ - ST

Ngày: 30/07/2019

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn K
- Hội thẩm nhân dân: +. Ông: Nguyễn Đình N
+ Ông: Nguyễn Thanh B
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn N
- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 07 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/03/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị L, sinh năm 1981.
 - Bị đơn: Anh Thái Đình Đ, sinh năm 1980.
- Đều cư trú tại: Xóm Vũ Vũ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/2/2019, tại bản tự khai nguyên đơn chị Thái Thị Loan trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1998 tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Đ có quan hệ ngoại tình với người khác, mặc dù chị L đã nhiều lần

khuyên giải nhưng anh Đ không thay đổi. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ, không yêu cầu đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Chị L và anh Thái Đình Đ có 02 con chung là các cháu Thái Thị Ngọc T, sinh ngày 12/01/1999 và cháu Thái Thị Kim N, sinh ngày 29/01/2015. Nếu ly hôn, chị Loan có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kim N hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh Đ đồng cấp dưỡng nuôi 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Kim N trưởng thành. Cháu Thái Thị Ngọc T đủ 18 tuổi trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 13 tháng 06 năm 2019, chị Thái Thị L có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Lý do: Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Thái Thị L chưa đủ 18 theo quy định của pháp luật vì chị Thái Thị L sinh đúng vào ngày 20 tháng 03 năm 1981 theo giấy khai sinh mà UBND xã Hòa Sơn đã cấp cho chị Thái Thị L. Ngày 12/7/2019 chị L có đơn rút yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ.

Tại bản tự khai bị đơn – anh Thái Đình Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thái Đình Đ và chị Thái Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1998 tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn giữa anh Đ và chị Thái Thị L là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn – ngày 18/11/1998 anh Đ chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật HNGĐ năm 1986 (Chưa đủ 20 tuổi). Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật do chưa đủ tuổi thì anh Đ, chị L đã đủ tuổi theo luật định, vì vậy anh Đ yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân giữa anh Đ và chị Thái Thị L là hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ sau khi kết hôn, anh Đ, chị L chung sống với nhau bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị L đã bỏ đi sang Trung Quốc và mang toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và con cái về nhà ngoại và đến nay chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân anh Đ không muốn ly hôn để các con có đầy đủ bố mẹ nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh Đ cũng thống nhất ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

- Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị Thái Thị L có 02 con chung là các cháu Thái Thị Ngọc T, sinh ngày 12/01/1999 và cháu Thái Thị Kim N, sinh ngày

29/01/2015. Nếu ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kim N, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không có đủ điều kiện tài chính để chăm sóc con, hiện tại cháu Kim N đang ở với bà ngoại. Cháu Thái Thị Ngọc T đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về khoản nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chấp hành không nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đình chỉ yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Thái Thị L. Công nhận chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ là vợ chồng. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ.

- Về con chung: Giao cháu Thái Thị Kim N, sinh ngày 29/01/2015 cho chị Thái Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Thái Đình Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Kim N đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Miễn xét.

Chị Thái Thị L, anh Thái Đình Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình do chị Thái Thị L yêu cầu, nơi cư trú của anh Thái Đình Đ tại xóm Vũ Vũ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Đối với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Thái Thị L: Ngày 12/6/2019 chị L có đơn yêu cầu, ngày 12/7/2019 chị L có đơn rút yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Việc rút đơn yêu cầu của chị Loan là tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Thái Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ. Tuy nhiên chị L, anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1998 tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Đ chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh Đ đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ. Yêu cầu của chị L, anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, căn cứ vào khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ.

Quá trình chung sống, chị L, anh Đ phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chị L cho rằng do anh Đ có quan hệ ngoại tình nhưng chị không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Anh Đ cho rằng do chị L đã bỏ đi sang Trung Quốc và mang toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và con cái về nhà ngoại. Bản thân anh Đ không muốn ly hôn để các con có đầy đủ bố mẹ nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh Đ cũng thống nhất ly hôn. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Hòa Sơn thì vợ chồng chị L, anh Đ có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể UBND xã không nắm bắt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả do anh Đ không có mặt để tham gia các buổi làm việc, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Sau đó chị L, anh Đ đều có đơn

đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử để anh sớm ổn định cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L, anh Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L, anh Đ để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai.

- Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là các cháu Thái Thị Ngọc T, sinh ngày 12/01/1999 và cháu Thái Thị Kim N, sinh ngày 29/01/2015. Nếu ly hôn, chị L, anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kim N. Nếu được trực tiếp nuôi con, chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Kim N tròn 18 tuổi trưởng thành; anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nếu được nuôi con. Hiện tại cháu Kim N đang sinh sống cùng chị L, anh Đ đang đi làm ăn xa, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kim N. Xét tổng thể điều kiện của chị L, anh Đ, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu Kim N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Kim N tròn 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/08/2019. Vì lợi ích của con chung các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Đối với cháu Thái Thị Ngọc T đủ 18 tuổi trưởng thành, chị L, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Chị L, anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

Chị Thái Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Thái Đình Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 11, Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ.

3. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị L và anh Thái Đình Đ.

4. Giao con chung là cháu Thái Thị Kim N, sinh ngày 29/01/2015 cho chị Thái Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Kim N đủ 18 tuổi. Anh Thái Đình Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi cháu Kim N tròn đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/08/2019.

Anh Thái Đình Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Miễn xét.

6. Về án phí: Buộc chị Thái Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên lai số 0005067 ngày 20/03/2019. Chị Thái Thị L đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Thái Đình Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận::

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Dương sự;
- VKSND H.Đô Lương;
- Chi cục T.H.A dân sự H. Đô Lương;
- UBND xã Hòa Sơn, H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn K